

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22-6-2020.

V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ôn.

2. Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: xóm Bai V, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xóm Bai V, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị S trình bày: chị và anh Bùi Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 07/3/2011. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng ban đầu có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ năm 2018, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; anh L hay cãi vã và đánh đập chị S, anh L còn nghiện chất ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên can, hòa giải nhiều lần nhưng không được mà ngày càng trầm trọng dẫn đến việc chị S và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, hai vợ chồng cũng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị Bùi Thị S thấy tình cảm vợ chồng không còn

nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn L. Về con chung: chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L có 02 con chung là Bùi Trọng N, sinh ngày 15/02/2012 và Bùi Nguyên N, sinh ngày 24/7/2017. Hiện nay các con chung đang ở với anh Bùi Văn L. Khi ly hôn, chị Bùi Thị S nhận trực tiếp nuôi dưỡng một trong hai con chung; cụ thể là trực tiếp nuôi dưỡng con thứ hai là Bùi Nguyên N và đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con thứ nhất là Bùi Trọng N. Chị S chưa yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị Bùi Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị Bùi Thị S khai là không có.

Về phía anh Bùi Văn L trình bày: Anh L xác nhận quá trình kết hôn đúng như chị S khai. Cuộc sống chung sau khi kết hôn của anh chị bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh năm 2019, nguyên nhân do chị S đi làm ăn xa và có biểu hiện ngoại tình. Do vậy anh L có nóng giận và đánh chị S một lần. Bản thân anh có sử dụng chất ma túy 5, 6 lần do ham vui với bạn bè nhưng hiện nay anh không còn nghiện chất ma túy. Nay chị S xin ly hôn thì anh L không nhất trí vì còn nghĩa thương các con chung. Về con chung, tài sản, công nợ chung đúng như chị S khai. Vì chưa muốn ly hôn nên anh L chưa có ý kiến gì về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung sau ly hôn. Tài sản, nợ chung vợ chồng anh Bùi Văn L thừa nhận là không có.

Về nguyện vọng của con chung: Tòa án đã lấy ý kiến của các cháu Bùi Trọng N vì cháu N đã trên 7 tuổi. Cháu N có nguyện vọng tiếp tục được ở với bố vì cháu đã ở ổn định với bố là anh Bùi Văn L.

Về nợ chung của vợ chồng: Đã được Tòa án xác minh, thể hiện: chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc xin ly hôn anh Bùi Văn L. Anh Bùi Văn L đồng ý ly hôn nhưng nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung ở mức từ 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng đến 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng trên một tháng cho cả hai con chung vì cho rằng chị S không đủ điều kiện nuôi con, do làm ăn xa tận tỉnh Bắc Ninh, còn anh L hiện có công việc làm, thu nhập ổn định tại địa phương, bản thân anh hiện tại không nghiện chất ma túy và sẵn sàng đi xét nghiệm chất ma túy để chứng minh. Phía chị S đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chấp nhận mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với anh L ở mức 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng trên một tháng cho cả hai con chung; mỗi con chung cấp dưỡng 750.000 (*Bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng trên một tháng. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân thời gian dài và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn

nhân không đạt được. Tại phiên tòa, các đương sự đã thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Về việc nuôi con, cần xem xét nguyện vọng chính đáng của con. Tại phiên tòa các bên cũng đã thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là anh Bùi Văn L. Tuy nhiên, do chị S khai và anh L cũng thừa nhận đã từng sử dụng chất ma túy nên việc thỏa thuận để anh L trực tiếp nuôi con là không bảo đảm về tư cách giáo dục con của anh L. Anh L khẳng định hiện tại anh không còn nghiện và sử dụng chất ma túy nhưng tại phiên tòa chưa có chứng cứ, tài liệu xác định về việc anh L không nghiện chất ma túy. Vì vậy căn cứ c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để anh Bùi Văn L xét nghiệm chất ma túy. Khi phiên tòa hết thời gian tạm ngừng, anh L đã cung cấp kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy; bản thân anh Bùi Văn L hiện tại không còn nghiện chất ma túy. Do đó, thỏa thuận để anh Bùi Văn L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung do chị S, anh L chưa có yêu cầu giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Các đương sự đều là người có địa chỉ cư trú tại huyện Lạc Sơn nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý và giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tạm ngừng phiên tòa là cần thiết để các đương sự cung cấp, thu thập bổ sung chứng cứ mới mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị S và anh L có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị S anh L do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị S đi làm ăn xa dẫn đến vợ chồng hiểu sai về nhau, nghi ngờ lẫn nhau về tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng; đã sống ly thân nhau khoảng hơn 01 năm nay. Quá trình sống ly thân chị S, anh L cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc ai muốn sống thế nào cũng được. Như vậy, chị S và anh L đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị S và anh L thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Xác nhận chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L có 02 con chung là Bùi Trọng N, sinh ngày 15/02/2012 và Bùi Nguyên N, sinh ngày 24/7/2017. Khi ly hôn, các bên đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị S nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L với mức 1.500.000

(Một triệu năm trăm nghìn) đồng trên một tháng. Xét thỏa thuận trên các bên đều tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp điều kiện hoàn cảnh kinh tế của cả hai bên, phù hợp nguyện vọng của con chung và không ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Bùi Thị S có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở nhưng chị S không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Tài sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung xác định không có.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự thỏa thuận được với nhau nhưng thỏa thuận tại phiên tòa nên mức án phí được tính như vụ án được xét xử theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị S và anh Bùi Văn L có 02 con chung là Bùi Trọng N, sinh ngày 15/02/2012 và Bùi Nguyên N, sinh ngày 24/7/2017. Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn L nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Bùi Trọng N và Bùi Nguyên N. Chị Bùi Thị S nhận nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Bùi Văn L ở mức 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng một tháng cho cả hai con chung; mỗi con chung cấp dưỡng 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng một tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Bùi Thị S có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn mà không ai được cản trở. Chị Bùi Thị S không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Về tài sản đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002941 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị S còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Đ - Lạc Sơn - HB;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 07/3/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Cao Sơn